**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CON CUÔNG**
**TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số:123/2022/ST-HNGĐ
Ngày 21/9/2022.
"V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG - TỈNH NGHỆ AN**

**Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Lữ Thị Dung.

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hà Minh Tuấn;

2. Bà Phạm Thị Anh.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngân Mai Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà***: Bà Võ Thị Lựu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXX-ST, ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Chị Lương Thị B, sinh năm 1997** – có mặt.

**Bị đơn: Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1991 -** vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Bản K, xã L, huyện C, NA.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:**

Ông Phạm Thế Kỷ - Trợ giúp viên thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh nghệ An. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Lương Thị B trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình H kết hôn vào ngày 21/4/2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh NA, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, nguyên nhân do tính cách và lối sống không phù hợp, anh H hay đi chơi uống rượu về gây sự, đánh đập vợ, cuộc sống lúc nào cũng căng thẳng, lo lắng, bất an, năm 2019 sau khi đi cai nghiện ma túy về anh H bỏ nhà đi làm ăn,

chị B cùng các con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và ly thân với anh H từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm hay chăm sóc lẫn nhau, chị B đã nhiều lần liên lạc bằng điện thoại khuyên nhủ anh H về giải quyết ly hôn nhưng anh H không về, tình cảm vợ chồng không còn nên chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 09/12/2011; Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 17/12/2013; Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 22/5/2017. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 03 người con chung và không yêu cầu anh Nguyễn Đình H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng thỏa thuận tự chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ tổ chức, cá nhân nào và cũng không ai nợ vợ chồng chị .

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Đình H đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về tình cảm: Chị Lương Thị B và anh Nguyễn Đình H đăng ký kết hôn tại UBND xã Lạng Khê, huyện Con Cuông trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện về kết hôn. Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân đã lâu không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị HĐXX cho chị Lương Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Đình H; Về con chung: Do hiện nay anh Nguyễn Đình H không có mặt ở địa phương, việc giao con cho anh H nuôi dưỡng là không đảm bảo điều kiện về mọi mặt của con và xét nguyện vọng của các cháu Nguyễn Thị Thu U, Nguyễn Thị Thu Tr mong muốn được sinh sống cùng với mẹ, cháu Nguyễn Thị Thu A đang còn nhỏ nên đề nghị HĐXX xem xét giao 03 người con chung cho chị Lương Thị B trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung của vợ chồng chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn ly hôn của chị Lương Thị B. Chị Lương Thị B và anh Nguyễn Đình H chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; Về con chung: Giao 03 người con chung Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 09/12/2011; Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 17/12/2013; Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 22/5/2017cho chị Lương Thị B trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung của vợ chồng chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí chị Lương Thị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn hiện cư trú tại Bản K, xã L, huyện C, tỉnh NA nên Tòa án nhân dân huyện Con Cuông thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị B và anh H tại UBND xã Lạng khê cho biết, sau khi đăng ký kết hôn chị B và anh H sinh sống tại bản Khe Thơi, xã lạng Khê, huyện Con Cuông, trong thời gian chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn, năm 2019 chị B cùng với 03 người con về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị B. Hiện tại anh H không có mặt ở địa phương, đi đâu, làm gì thì chính quyền, địa phương không biết vì anh H không khai báo cắt khẩu tạm trú, tạm vắng. Tại biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị Vân - trú tại Bản K, xã L, huyện C, tỉnh NA là chị gái của anh Nguyễn Đình H cho biết, anh H đi làm ăn ở các tỉnh phía bắc, còn làm việc gì, địa chỉ cụ thể thì chị Vân không biết, thỉnh thoảng anh H có gọi điện về cho chị Vân, và chị Vân đã thông báo cho anh H biết việc chị B làm đơn ly hôn, và đã thông báo cho anh H biết về việc chị đã nhận các văn bản của Tòa án đến tống đạt cho anh H và khuyên nhủ anh H về giải quyết ly hôn nhưng anh H không về.

Như vậy, bị đơn đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới. Theo quy định tại Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì được coi là cố tình che giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tụng chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đình H đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý

kiến; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đình H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Đình H không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy chị Lương Thị B và anh Nguyễn Đình H có đăng ký kết hôn vào ngày 21/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh NA, việc đăng ký kết hôn là tự nguyện, không vi phạm quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị B và anh Nguyễn Đình H là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị B và anh H phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, như vậy chị Lương Thị B và anh Nguyễn Đình H đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Đình H vắng mặt không có ý kiến trình bày nhưng qua xác minh tại địa phương cho biết: Quá trình kết hôn và chung sống vợ chồng chị Lương Thị B và anh Nguyễn Đình H có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H ít quan tâm đến vợ con, thường xuyên vắng nhà, năm 2019 anh H đi cai nghiện ma túy, sau khi trở về địa phương được một thời gian thì anh H đi khỏi địa phương, đi đâu, làm gì thì chính quyền, địa phương không biết vì anh H không khai báo cắt khẩu tạm trú, tạm vắng. Tại biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị Vân là chị gái của anh Nguyễn Đình H cho biết anh H đi làm ăn ở các tỉnh phía bắc, còn làm việc gì, địa chỉ cụ thể thì chị Vân không biết, thỉnh thoảng anh H có gọi điện về cho chị Vân, và chị Vân đã thông báo cho anh H biết việc chị B làm đơn ly hôn và thông báo cho anh H biết về việc chị đã nhận các văn bản của Tòa án đến tống đạt cho anh H và khuyên nhủ anh H về giải quyết ly hôn nhưng anh H không về. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Lương Thị B và anh Nguyễn Đình H không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Lương Thị B được ly hôn với và anh Nguyễn Đình H .

Về con chung: Vợ chồng chị Lương Thị B và anh Nguyễn Đình H có 03 người con chung Nguyễn Thị Thu U - sinh ngày 09/12/2011; Nguyễn Thị Thu Tr - sinh ngày 17/ 12/2013; Nguyễn Thị Thu A - sinh ngày 22/5/2017. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 03 người con chung và không yêu cầu anh Nguyễn Đình H cấp dưỡng tiền nuôi con. Do hiện nay anh Nguyễn Đình H không có mặt ở

địa phương, việc giao con cho anh H nuôi dưỡng là không đảm bảo điều kiện về mọi mặt của con. Xét nguyện vọng của chị Lương Thị B là chính đáng, và nguyện vọng của các cháu Nguyễn Thị Thu U, Nguyễn Thị Thu Tr mong muốn được sinh sống cùng với mẹ, cháu Nguyễn Thị Thu A đang còn nhỏ, để đảm bảo quyền lợi của con nên xét giao 03 người con chung cho chị Lương Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi,trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con do chị Lương Thị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Lương Thị B và anh Nguyễn Đình H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Lương Thị B phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lương Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Đình H .

- Về con chung: Giao 03 người con chung Nguyễn Thị Thu U - sinh ngày 09/12/2011; Nguyễn Thị Thu Tr - sinh ngày 17/ 12/2013; Nguyễn Thị Thu A - sinh ngày 22/5/2017 cho chị Lương Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi, trưởng thành.

Anh Nguyễn Đình H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Chị Lương Thị B cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lương Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp 300.000 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0000506 ngày 08/7/2022.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh NA;
- *VKSND huyện Con Cuông;*
- *Chi cục THADS huyện Con Cuông;*
- *Nguyên đơn, bị đơn;*
- *UBND xã K;*
- *Lưu hồ sơ -VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Lữ Thị Dung**